

Số: *61*/QĐ-HT

Noong Hẹt, ngày 16 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Thành lập đoàn thẩm định chương trình giáo dục nhà trường
Năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOÀNG CÔNG CHÁT

Căn cứ Điều 16 Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ văn bản số 1796/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên ban hành kế hoạch thời gian năm học 2021 – 2022;

Căn cứ văn bản số 931/PGDDĐT-GDMN ngày 27/8/2021 của Phòng giáo dục và đào tạo huyện Điện Biên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2021 – 2022;

Căn cứ chiến lược phát triển nhà trường năm học 2021 – 2022 của Trường mầm non Hoàng Công Chát;

Xét đề nghị của Ban chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn thẩm định chương trình giáo dục nhà trường năm học 2020 - 2021. (Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Đoàn thẩm định chương trình giáo dục nhà trường có nhiệm vụ đánh giá chương trình của nhà trường trước khi phê duyệt và đưa vào sử dụng. Xác định những điểm mạnh, điểm yếu của chương trình trước khi đưa vào thực hiện trên cơ sở xem xét, rà soát toàn bộ quy trình xây dựng mục tiêu, nội dung chương trình và quy cách trình bày có phù hợp với quy định, các hướng dẫn; các yêu cầu về mục tiêu đã

phù hợp với kết quả mong đợi của chương trình chưa và đảm bảo chất lượng chương trình đề ra hay không.

Điều 3. Các đồng chí BGH, tổ trưởng, tổ phó và các đồng chí có tên trong danh sách ghi tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu trường.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Hoa

**DANH SÁCH ĐOÀN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số: 61/QĐ-HT ngày 16 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng trường MN Hoàng Công Chất)

1. Bà Phan Thị Hoa - Hiệu trưởng- Bí thư chi bộ – Chủ tịch hội đồng
2. Bà Phạm Thanh Huệ – Phó hiệu trưởng - Thư ký
3. Bà Cà Thị Thanh Huyền - Phó hiệu trưởng - ủy viên
4. Bà Nguyễn Thị Nga - Tổ trưởng tổ MG Lớn, NT 24 – 36 tháng - ủy viên
5. Bà Đỗ Thị Thắm - Tổ trưởng tổ MG Bé – Nhỡ - ủy viên
6. Bà Đoàn Thị Giang - Tổ phó tổ MG Bé – Nhỡ - ủy viên
7. Bà Trần Thị Thanh Huyền - Tổ phó tổ MG Lớn, NT 24 – 36 tháng - ủy viên

(Danh sách có 7 thành viên)

Số: 69 /QĐ-HT

Noong Hẹt, ngày 01 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình giáo dục nhà trường năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOÀNG CÔNG CHẤT

Căn cứ thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ văn bản số 1796/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên ban hành kế hoạch thời gian năm học 2021 – 2022;

Căn cứ văn bản số 931/PGDĐT-GDMN ngày 27/8/2021 của Phòng giáo dục và đào tạo huyện Điện Biên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2021 – 2022;

Căn cứ chiến lược phát triển nhà trường năm học 2021 – 2022 của Trường mầm non Hoàng Công Chất;

Căn cứ biên bản thẩm định chương trình giáo dục nhà trường ngày 25/8/2021 của Trường mầm non Hoàng Công Chất;

Xét đề nghị của Ban chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình giáo dục nhà trường năm học 2021 - 2022. (Có chương trình kèm theo)

Điều 2. Chương trình được thực hiện trong năm học 2021 – 2022 tại trường mầm non Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt, áp dụng cho 4 độ tuổi: 24 – 36 tháng tuổi; 3-4 tuổi, 4-5 tuổi; 5-6 tuổi.

Điều 3. Các đồng chí BGH, tổ trưởng, tổ phó và các giáo viên trường mầm non Hoàng Công Chất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu trường.



**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON HOÀNG CÔNG CHẤT**

**CHƯƠNG TRÌNH
NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

Đơn vị: Trường mầm non Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MN HOÀNG CÔNG CHẤT

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

A. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Trường mầm non Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt có hệ thống cơ sở vật chất khang trang sạch đẹp, có 1 điểm trường với 9 nhóm lớp 260 học sinh có đủ đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho công tác chăm sóc và giáo dục trẻ. Trường có bề dày thành tích về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm. Năm học 2020 - 2021 trường được công nhận tập thể lao động xuất sắc, cờ thi đua của UBND tỉnh và đạt nhiều danh hiệu thi đua cao khác của cá nhân và tập thể. Trường đạt chuẩn mức độ 2, công nhận chuẩn kiểm định chất lượng cấp độ 3.

100% CBGV có trình độ đào tạo trên chuẩn, có trên 80% giáo viên dạy giỏi các cấp có khả năng linh hoạt trong xây dựng kế hoạch, tạo môi trường và tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành. Một số học sinh và giáo viên trong nhà trường được hưởng chính sách hỗ trợ giáo phát triển giáo dục mầm non như chế độ ăn trưa, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

Đa số phụ huynh tích cực phối hợp trong công tác làm đồ dùng và tham gia các hoạt động giáo dục. Dân cư tương đối tập trung đa số các gia đình có nhu cầu cho con học trường mầm non trên địa bàn xã. Có 66% trẻ là dân tộc Kinh mạnh dạn tự tin, ngôn ngữ mạch lạc.

Trong năm học 2020 – 2021 trường mầm non Hoàng Công chất đã xây dựng và thực hiện chương trình tương đối sát với thực tế, các mục tiêu, nội dung được cụ thể hóa theo đúng độ tuổi. Đã đưa các nội dung gắn với địa phương như lễ hội địa phương, truyền thống văn hóa, làng nghề truyền thống....

2. Khó khăn:

Năm học 2021 - 2022 nhà trường gặp những khó khăn thách thức sau: Vẫn còn số ít giáo viên năng lực chuyên môn hạn chế, đặc biệt trong việc xây dựng và phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với nhóm lớp, 34% trẻ là người dân tộc ngôn ngữ phổ thông còn hạn chế, thiếu mạch lạc, chưa mạnh dạn tự tin. Còn nhiều trẻ hộ nghèo, cận nghèo, trẻ sống trong gia đình có hoàn cảnh đặc biệt. Trường có điểm trường khu B ở địa bàn có nhiều vấn đề tập trung tệ nạn của dân bản, công tác xã hội hóa giáo dục còn gặp nhiều khó khăn.

Chương trình nhà trường chưa được khai thác triệt để các nội dung nhằm phát triển mở rộng so với thực tế lý do giáo viên còn e dè chưa dám điều chỉnh linh hoạt. Chương trình làm quen với ngoại ngữ chưa được thực hiện do chưa có văn bản triển khai cho ngành.

3. Định hướng của nhà trường năm học 2021 - 2022

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của của nhà trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm học với tầm nhìn sứ mạng nhằm xây dựng môi trường giáo dục **An toàn – Thân thiện – Tích cực**, xây dựng trường mầm non **chất lượng cao**, phát triển theo phương châm **“Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”** hướng tới sự phát triển toàn diện, giúp trẻ rèn luyện phẩm chất năng lực cần thiết để tự nhận thức, tăng cường khả năng thích nghi với sự biến đổi của môi trường và bối cảnh của địa phương thời kỳ đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đề cao 5 giá trị cốt lõi: trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, chủ động, tự tin, sáng tạo. Trường mầm non Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt đã xác định mục tiêu của nhà trường trong năm học 2021-2022 như sau: “Giúp trẻ em phát triển hài hòa về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, trẻ mạnh dạn tự tin. Khai dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách những năng lực phẩm chất cần thiết, chuẩn bị cho trẻ em mẫu giáo trong cơ sở giáo dục mầm non sẵn sàng học đọc, học viết theo hướng liên thông với chương trình lớp 1 tiểu học, lồng ghép chuyên đề dạy học ngoại ngữ cho trẻ 4,5 tuổi” Mục tiêu

nhà trường mãi mãi là địa chỉ tin cậy của các bậc phụ huynh học sinh, xứng danh là ngôi trường mang tên người anh hùng dân tộc Hoàng Công Chất.

B. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. Mục tiêu chung

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp 1, hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

II. Mục tiêu độ tuổi

1. Nhà trẻ: Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 24 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ.

*** Phát triển thể chất**

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

*** Phát triển nhận thức**

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.
- Có một số khái niệm sơ đẳng về toán: nhận biết về kích thước, hình dạng.

*** Phát triển ngôn ngữ**

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Tự tin trong giao tiếp.

*** Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ**

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Biết chào hỏi lễ phép khi giao tiếp.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

2. Mẫu giáo: Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

*** Phát triển thể chất**

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động : nhanh nhẹn, khoẻ mạnh, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có kỹ năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

*** Phát triển nhận thức**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

*** Phát triển ngôn ngữ**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói, trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.
- Trẻ hiểu 1 số từ mới gần gũi, trẻ có thể tự tin giới thiệu bản thân và các thành viên trong gia đình bằng tiếng anh, chào hỏi bằng Tiếng Anh bằng các câu đơn giản.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

*** Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội**

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Bày tỏ thái độ đối với những hành vi của con người gây ô nhiễm môi trường
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non.
- Tham gia một số hoạt động lễ hội địa phương khơi dậy niềm tự hào về truyền thống địa phương.
- Hình thành các kỹ năng phòng tránh các nguy cơ không an toàn trong cuộc sống đối với bản thân: Cháy nổ, động đất....

*** Phát triển thẩm mỹ**

- Có khả năng cảm nhận về đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

III. Quan điểm xây dựng chương trình giáo dục mầm non

- Chương trình Giáo dục nhà trường thể hiện mục tiêu giáo dục mầm non, quy định các yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ trường mầm non Hoàng Công Chất. Chương trình làm cơ sở cho việc quản lý, chỉ đạo các tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại trường; đồng thời là cam kết của Nhà trường nhằm đảm bảo chất lượng trong năm học.
- Chương trình Giáo dục nhà trường được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo, có kế thừa những ưu việt của Chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ trước đây, được phát triển trên quan điểm bảo đảm đáp ứng được điều kiện thực tế của địa phương, các đối tượng trẻ, hướng đến sự phát triển toàn diện và tạo cơ hội cho trẻ phát triển.
- Chương trình Giáo dục nhà trường bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo với nhau, liên thông với Chương trình Giáo dục phổ thông. Chương trình thể hiện quan điểm giáo dục toàn diện, dạy học lấy trẻ làm trung tâm với phương châm giáo dục “Chơi mà học, học bằng chơi”, tăng cường tiếng việt cho trẻ em dân tộc thiểu số.

- Chương trình quy định những nội dung giáo dục áp dụng đối với mọi trẻ mầm non, lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với trẻ em mầm non và điều kiện của địa phương.

IV. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục, phương tiện hỗ trợ và đánh giá sự phát triển của trẻ

1. Yêu cầu về nội dung

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống địa phương với di tích lịch sử đền Hoàng Công Chất, nghề truyền thống của địa phương, lễ hội thành bản phủ và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống.

- Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

2. Yêu cầu về phương pháp giáo dục trẻ

- Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm – sinh lý; tạo môi trường giáo dục gắn gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

- Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hoà giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm /lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

3. Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ

- Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế ở địa phương. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.

4. Yêu cầu về phương tiện hỗ trợ

- Nhà trường đã sử dụng phương pháp dạy học tích cực lấy trẻ làm trung tâm, tiếp tục thực hiện chuyên đề tăng cường tiếng việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số. Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi phù hợp, xây dựng và mở rộng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm và tăng cường tiếng việt.

V. Điều kiện thực hiện chương trình

1. Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục mầm non

- Nhà trường có sứ mệnh hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ em; Xây dựng môi trường giáo dục An toàn – Thân thiện – Tích cực, xây dựng trường mầm non chất lượng cao

- Cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của nhà trường theo quy định thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT thông tư do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non.

2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo, cán bộ quản lý giáo viên có trình độ trên chuẩn, nhân viên kế toán đạt trên chuẩn, nhân viên y sỹ đạt chuẩn, cán bộ quản lý được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

3. Cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học

- Nhà trường có địa điểm, diện tích, quy mô nhà trường; cơ sở vật chất và đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

4. Xã hội hóa giáo dục

- Thực hiện quan điểm phát triển giáo dục là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân, tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục nhà trường; bảo đảm điều kiện thực hiện Chương trình; thực hiện nghiêm túc các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với CBQL, giáo viên và nhân viên trong nhà trường. Nhà trường chủ động tham mưu để huy động đa dạng các nguồn lực tham gia các hoạt động giáo dục và hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

- Có kế hoạch hướng dẫn cha mẹ trẻ phối hợp với cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm điều kiện để thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ và chế độ làm việc đối với giáo viên, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình nhà trường.

B. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THEO CÁC ĐỘ TUỔI

I. NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG

1. Phân phối thời gian

- Chương trình thực hiện 35 tuần: Học kỳ I bắt đầu thực hiện chương trình từ ngày 06/9/2021, ngày kết thúc học kỳ I vào ngày 07/1/2022, ngày nghỉ giữa học kỳ 07/1/2022 (Có 18 tuần thực học). Học kỳ II bắt đầu từ ngày 10/1/2022, ngày kết thúc học kỳ II vào ngày 20/5/2022.

2. Chế độ sinh hoạt: Trẻ 24 – 36 tháng tuổi

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ
- Ngủ: 1 giấc trưa.

Thời gian	Hoạt động
50 – 60 phút	Đón trẻ
110 – 120 phút	Chơi – Tập
50 – 60 phút	Ăn chính
140 – 150 phút	Ngủ
20 – 30 phút	Ăn phụ
50 – 60 phút	Chơi – Tập
50 – 60 phút	Ăn chính
50 – 60 phút	Chơi/ Trả trẻ

3. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

3.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ ngày/ trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở GDMN/ ngày/ trẻ
18 – 24 tháng	Cơm nát + Sữa mẹ	930 – 1000 Kcal	600 – 651 Kcal
24 – 36 tháng	Cơm thường		

- Số bữa ăn tại cơ sở GDMN: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

- + Tỷ lệ cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu.
- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo (Lipít) cung cấp khoảng 30%-40% năng lượng khẩu phần.
- Chất bột (Gluxits) cung cấp khoảng 47%-50% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống: Khoảng 0,8 – 1,6 lít/ trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

3.2. Tổ chức ngủ

- Trẻ từ 18-36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

3.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.

3.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng chống các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

4. GIÁO DỤC

4.1. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. Lĩnh vực phát triển thể chất		
1	Cân nặng bình thường Trẻ trai: 11,3 - 18,3 kg Trẻ gái: 10,8 - 18,1 kg	- Cân trẻ 4 lần /năm, với trẻ suy dinh dưỡng 1 tháng 1 lần
2	Chiều cao bình thường Trẻ trai: 88,7- 103,5 cm Trẻ gái: 87,4- 102,7 cm	- Đo trẻ 4 lần /năm, với trẻ thấp còi 1 tháng 1 lần
a) Phát triển vận động		
3	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: Hô hấp, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Giơ lên cao + Đưa ra phía trước + Đưa sang ngang + Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang 2 bên + Cúi người về phía trước + Vận người sang 2 bên - Chân: + Co duỗi từng chân. + Ngồi xuống, đứng lên
4	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay	- Đi theo hiệu lệnh. - Đi trong đường hẹp - Đi bước qua gậy kê cao - Đi có mang vật trên tay - Chạy theo hướng thẳng - Đứng co 1 chân - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Chạy đổi hướng - Đi kết hợp với chạy
5	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung-bắt bóng với cô khoảng	- Tung - bắt bóng cùng cô - Ném bóng vào đích

	cách 1m, ném vào đích xa 1 -> 1,2m.	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay - Tung bóng qua dây
6	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	<ul style="list-style-type: none"> - Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản - Bò theo đường zig zắc - Bò theo đường ngoằn ngoèo - Bò thẳng hướng theo đường hẹp.
7	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ. - Ném bóng về phía trước - Nhún bật về phía trước - Bật qua các vòng.
8	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo"	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, Rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé
9	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón, nhặt đồ vật - Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây - Chắp ghép hình - Xếp chồng 6-8 khối gỗ - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách
g) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
10	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống
11	Trẻ thực hiện được ngủ 1 giấc buổi trưa	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa
12	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, vệ sinh
13	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định - Tự phục vụ: xúc cơm, uống nước - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt - Chuẩn bị chỗ ngủ
14	Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh, đeo khẩu trang.	<ul style="list-style-type: none"> - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị ẩm ướt - Mặc quần áo ấm khi trời lạnh. - Đeo khẩu trang để phòng chống dịch Covid - 19.
15	Trẻ biết tránh một số vận dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào gần hoặc đến gần.
16	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh

	vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức		
17	Trẻ có thể sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Ném vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua) - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.
18	Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.
19	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.
20	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi, giới tính, những người thân yêu	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Cha mẹ người thân yêu, tránh người lạ.
21	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa quả quen thuộc - Tên, đặc điểm nổi bật công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
22	Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Màu đỏ, vàng, xanh.
23	Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ;	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước to - nhỏ... - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều. □ - Hình tròn, hình vuông...
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
24	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động;	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
25	Trẻ biết trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...
26	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự

		gợi ý
27	Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau
28	Trẻ đọc được bài thơ ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 3-4 tiếng
29	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, đồ vật hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.
30	Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: Chào hỏi, trò chuyện. Bày tỏ nhu cầu của bản thân. Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	- Giao tiếp với những người xung quanh - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Xem tranh và gọi tên nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh
31	Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		
32	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.
33	Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình
34	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.
35	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	
36	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
37	Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi. - Biết chăm sóc con vật nuôi .
38	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”. - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)
39	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Thực hiện một số hành vi văn hóa chơi cạnh bạn, không cấu bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
40	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Chơi hòa thuận với bạn
41	Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. - Thực hiện một số quy định ở lớp (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)
42	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
43	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguỵch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xếp hình, xé, vò, xếp hình

4.2. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian, (Tháng, ngày.... đến ngày)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội
6/9 - 1/10/2021	1	Bé vui đến trường – tết trung thu	Cô và các bạn trong lớp	1	
			Lớp học thân yêu của bé	1	
			vui tết trung thu	1	
			Các cô bác trong trường Bé	1	
4/10 - 22/10/2021	2	Bé biết gì về bản thân	Bé là ai	1	
			Cơ thể kỳ diệu của bé	2	
25/10 - 19/11/2021	3	Đồ dùng đồ chơi của bé	Đồ chơi của bé	2	Gửi phiếu V PH từ ngày 8/11 đến 26/11/2
			Đồ dùng của bé	2	
22/11- 17/12/2021	4	Mẹ và gia đình thân yêu của bé	Mẹ của bé	1	
			Những người thân yêu của bé	1	
			Ngôi nhà của bé	2	
20/12 - 14/1/2022	5	Hoa, quả và rau	Bé biết cây gì	1	
			Bé yêu hoa	1	
			Bé biết quả gì	1	
			Rau, củ bé yêu	1	
17/1 - 18/2/2022	6	Tết và mùa xuân	Các loại bánh mứt	1	Tết nguyên đán
			Ngày tết vui vẻ	2	
			Mùa xuân đến rồi	1	
21/2 – 18/3/2022	7	Những con vật đáng yêu	Con vật nuôi trong gia đình có 2 chân	1	Gửi phiếu cho PH từ ngày 28 đến ngày 1
			Con vật nuôi trong gia đình có 2 chân	1	
			Con vật sống dưới nước	1	
			Con vật sống trong rừng	1	
21/3 – 15/4/2022	8	Phương tiện giao thông	Phương tiện giao thông đường bộ	2	Lựa chọn nội dung cơ thể CTGD
			Phương tiện giao thông đường thủy	1	
			Phương tiện giao thông đường hàng không	1	
18/4 – 20/5/2022	9	Mùa hè- Bé lên mẫu giáo	Mùa hè đến rồi	1	
			Trang phục mùa hè	1	
			Bé lên mẫu giáo	2	
Tổng				35	

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Các hoạt động giáo dục

1.1. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hờ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

1.2. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12-36 tháng tuổi.

1.3. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai, trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

1.4. Hoạt động chơi – tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

1.5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ cảm giác sáng khoái, vui vẻ.

2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

2.1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỉ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết trung thu, Tết cổ truyền, Tết Thiếu nhi...).

2.2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

2.3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.
- Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

3. Phương pháp giáo dục

3.1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

3.2. Nhóm phương pháp trực quan – minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói và các minh họa phù hợp.

3.3. Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi.

- Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

- Sử dụng các yếu tố chơi, trò chơi dân gi quan thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

- Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

3.4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể truyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn và chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng và dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

3.5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển, tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình GDMN, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

1. Đánh giá trẻ hằng ngày

1.1. Mục đích đánh giá: Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

1.2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ
- Trạng thái cảm xúc, thái độ hành vi của trẻ
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

1.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá:

- Quan sát
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ
- Trao đổi với cha mẹ/ người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

2.1. Mục đích đánh giá: Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ cho giai đoạn tiếp theo.

2.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, KNXH và thẩm mỹ.

2.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá:

- Quan sát
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha mẹ/ người chăm sóc trẻ.
- Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

II. CHƯƠNG TRÌNH MẪU GIÁO

1. Phân phối thời gian

- Chương trình thực hiện 35 tuần: Học kỳ I bắt đầu thực hiện chương trình từ ngày 06/9/2021, ngày kết thúc học kỳ I vào ngày 07/1/2022, ngày nghỉ giữa học kỳ 07/1/2022 (Có 18 tuần thực học). Học kỳ II bắt đầu từ ngày 10/1/2022, ngày kết thúc học kỳ II vào ngày 20/5/2022.

2. Chế độ sinh hoạt

- Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở trường mầm non một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nền nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80 – 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 – 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 – 30 phút	Ăn bữa phụ
70 – 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 – 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

3. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

3.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của một trẻ trong một ngày là: 1230 – 1320 Kcal.

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của một trẻ trong một ngày chiếm 50-55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.

- Số bữa ăn tại trường MN: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: Khoảng 1,6 – 2,0 lít/ trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

3.2. Tổ chức ngủ

- Tổ chức cho trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

3.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

3.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng chống các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp

4. Giáo dục

4.1. Mẫu giáo bé

* Mục tiêu, nội dung

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục
TT	Mục tiêu	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		
a. Chiều cao cân nặng		
1	Cân nặng	
	Trẻ trai: 12,7 - 21,2 kg	
	Trẻ gái: 12,3 - 21,5 kg	
	Chiều cao	
	Trẻ trai: 94,9 - 111,7cm	
	Trẻ gái: 94,1 - 111,3cm	
b. Phát triển vận động		
2	Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân <ul style="list-style-type: none"> + Bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Co duỗi chân
3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện được vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp + Đi kiễng gót liên tục 3m	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trong đường hẹp. - Đi kiễng gót - Bước lên, xuống bậc cao
4	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường dích dắc không chệch ra ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi/chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Bật xa. - Bật tại chỗ. - Bật về phía trước.
5	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với cô + Tự đập bắt bóng được 3 lần liên	<ul style="list-style-type: none"> - Lăn, đập, tung bắt bóng với cô - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc
6	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy 15m liên tục theo hướng	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném xa bằng 1 tay

	<ul style="list-style-type: none"> thăng + Ném trúng đích ngang + Bò trong đường hẹp không chệch ra ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích bằng 1 tay - Bò, trườn theo hướng thăng, đích dắc - Bò chui qua cổng - Trườn về phía trước
7	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được các cử động của bàn tay: + xoay tròn cổ tay + Gập, đan các ngón tay vào nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay
8	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu + Cắt thẳng được một đoạn 10m + Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ + Tụ cài, cởi cúc áo 	<ul style="list-style-type: none"> - Đan tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ ngược ngoặc. - Cài, cởi cúc.
c. Dinh dưỡng và sức khỏe		
9	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói đúng tên một thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật, tranh ảnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc
10	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết gọi tên một số món ăn đơn giản hàng ngày. 	
11	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật: Ìa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì..
12	<ul style="list-style-type: none"> Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, xúc miệng + Tháo tất, cởi quần áo... 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với cách lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng - Tháo tất, cởi quần áo... - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
13	<ul style="list-style-type: none"> Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.
14	<ul style="list-style-type: none"> Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thói quen mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ, uống nước đun sôi. - Tập ăn nhiều rau, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, uống nước chín
15	<ul style="list-style-type: none"> Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm

	chảy máu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết trang phục theo thời tiết - Làm quen với cách đánh răng - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
16	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.	<p>Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p>
17	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	
18	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: <ul style="list-style-type: none"> + Không cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. + Không tự lấy thuốc uống + Không leo trèo bàn ghế, lan can + Không nghịch các vật sắc nhọn + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp 	
2, Lĩnh vực phát triển nhận thức		
<i>* Khám phá khoa học</i>		
19	- Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.
20	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Tên đặc điểm, công dụng của một số PTGT
21	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo: Xem sách, tranh ảnh, và trò chuyện về đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng nắng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. Gọi tên và nhận biết vài dấu hiệu rõ nét một số thiên tai xảy ra ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày
22	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.

23	- Trẻ nhận ra được một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. Cách chăm sóc và bảo vệ cây, con vật gần gũi. Tác hại của một số thiên tai xảy ra ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét.
24	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng	- Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối
25	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật, đồ dùng đồ chơi, PTGT theo 1 dấu hiệu ;
26	Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi các trò chơi - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.
* Khám phá xã hội		
27	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện.	- Tên tuổi, giới tính của bản thân.
28	- Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình.
29	- Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	
30	- Nói được tên trường, lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường
31	- Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựngkhi được hỏi, xem tranh	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. - Mọi nghề thì người làm nghề đều bình đẳng như nhau không xem trọng nam hay nữ.
32	- Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, lễ hội thành bản phủ, lễ hội hoa ban...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương: lễ hội thành bản phủ, lễ hội hoa ban....
33	- Nói được tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
34	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.

35	- Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	
36	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều. - Xếp tương ứng 1-1, Ghép đôi
37	- Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm
38	- Biết tách một nhóm có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm .	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
39	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ
40	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ to hơn/nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn;bằng nhau.	- So sánh hai đối tượng về kích thước.
41	- Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép
42	- Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
3, Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
43	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
44	- Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa quả....	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.
45	- Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.
46	- Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng việt. - Trả lời và đặt câu hỏi: Ai, cái gì, ở đâu, khi nào, để làm gì?
47	- Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
48	- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.
49	- Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc.

50	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
51	- Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại 1 vài tình tiết của truyện đã được nghe
52	- Trẻ biết bắt chước giọng nói của các nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.
53	- Trẻ biết sử dụng các từ "Vâng ạ" "Dạ" "Thưa"...trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp
54	- Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.	
55	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Cầm sách đúng chiều mở sách xem tranh và "đọc" truyện - Giữ gìn sách. - Làm quen với cách đọc tiếng việt: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu.
56	- Thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc	- Làm quen cách viết tiếng việt: Hướng viết các nét chữ
57	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống(Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...) phân biệt theo quy định nhà vệ sinh nam, nữ - Xem tranh, tranh truyện minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh
4, Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		
58	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ phòng tránh bị người cùng giới, khác giới xâm hại, và biết yêu cầu sự giúp đỡ của người lớn khi có dấu hiệu bị xâm hại.
59	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích
60	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động của lớp - Hăng hái phát biểu ý kiến, trả lời câu hỏi của cô - Tích cực trong các hoạt động học tập, vui chơi
61	- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao(chia giấy vẽ, xếp đồ chơi..)	- Hoàn thành công việc đơn giản ở lớp khi được giao.
62	- Trẻ nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.

63	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi; hát, vận động.
64	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ
65	- Thích nghe kể truyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Hát các bài hát về Bác Hồ - Đọc các bài thơ, kể chuyện về Bác Hồ. - Trẻ biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi
66	- Trẻ thực hiện được 1 số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Nhận biết và thực hiện đúng quy định về chỗ ngủ riêng theo giới tính -Biết lễ phép với cô giáo, Yêu mến bố, mẹ, anh chị em ruột - Chờ đến lượt - Tiết kiệm điện nước.
67	- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ lời nói lễ phép(chào hỏi, cảm ơn) - Nhận biết hành vi " đúng" - "sai", " tốt"- "xấu"
68	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	
69	- Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- <i>chơi hòa thuận với bạn.</i> - Mọi trẻ đều có thể vui chơi như nhau với các đồ chơi không phân biệt nam, nữ
70	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- <i>Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối.</i>
71	- Biết bỏ rác đúng nơi quy định	- <i>Giữ gìn vệ sinh môi trường</i>
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
72	- Trẻ vui sướng vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
73	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	
74	- Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát bản nhạc; Thích nghe đọc thơ, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc(nhạc thiếu nhi, dân ca)
75	- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.

76	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc(Vỗ tay theo phách nhịp, vận động minh họa)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp
77	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát bản nhạc quen thuộc.
78	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm
79	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
80	- Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	
81	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc 2 khối	
82	Trẻ biết xếp chồng xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	
83	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	
84	- Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình
85	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình

* Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện chủ đề

Tháng	STT	Chủ đề, thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội
Từ ngày 6/9 đến ngày 24/9/2021	1	Trường mầm non - Tết Trung thu: 3	Trường mầm non Hoàng Công Chất	1	Ngày hội đến trường của bé Tổ chức trung thu
			Lớp mẫu giáo của bé	1	
			Tết trung thu	1	
Từ ngày 27/9 đến ngày 22/10/2021	2	Bản thân: 4	Bé giới thiệu về mình	1	
			Cơ thể của bé	1	
			Cảm xúc của bé	1	
			Bé lớn lên thế nào	1	
Từ ngày 25/10 đến ngày 19/11/2021	3	Gia đình - Ngày hội 20/11 : 4	Ngôi nhà bé yêu	1	Gửi phiếu về cho phụ huynh, từ ngày 8/11 đến ngày 26/11/2021 Tổ chức ngày 20/11
			Những người thân yêu	1	
			Đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống	1	
			Ngày hội của cô giáo 20/11	1	
Từ ngày 22/11 đến ngày	4	Bé thích làm nghề gì: 4	Nghề nông	1	
			Nghề xây dựng, nghề thợ mộc	1	

17/12/2021			Nghề chăm sóc sức khỏe	1	
			Nghề truyền thống địa phương	1	
Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 14/01/2022	5	Những con vật em yêu: 4	Một số vật nuôi trong gia đình	1	
			Một số con vật sống trong rừng	1	
			Một số con vật sống dưới nước	1	
			Một số loài chim	1	
Từ ngày 17/01 đến ngày 25/2/2022	6	Thế giới thực vật - Tết nguyên đán, mùa xuân: 5	Một số loại cây	1	Lựa chọn nội dung ưu tiên thuộc lĩnh vực CTGD MN
			Tết nguyên đán - Mùa xuân	1	
			Một số loại hoa	1	
			Một số loại quả	1	
			Một số loại rau	1	
Từ ngày 28/2 đến ngày 25/3/2022	7	Phương tiện giao thông - Ngày 8/3 - Lễ hội thành bản phủ ; Đền Hoàng Công Chất : 4	PTGT đường bộ	1	Lễ hội thành bản phủ - Đền Hoàng Công Chất Giữ gìn môi trường PH từ ngày 21/3 đến ngày 24/3 - Lựa chọn nội dung ưu tiên thuộc lĩnh vực CTGD MN
			Ngày hội 8/3	1	
			Một số PTGT đường thủy-đường hàng không	1	
			Lễ hội thành bản phủ - Đền Hoàng Công Chất	1	
Từ ngày 28/3 đến ngày 15/4/2022	8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên: 3	Một số hiện tượng tự nhiên	1	
			Nước	1	
			Mùa hè.	1	
Từ ngày 18/4 đến ngày 20/5/2022	9	Quê hương - Đất nước- Bác Hồ- Tết thiếu nhi: 4	Đất nước Việt Nam	1	
			Quê hương Điện Biên	1	
			Bác Hồ	1	
			Tết thiếu nhi	1	
		Cộng		35	

4.2. Mẫu giáo nhỡ

* Mục tiêu, nội dung

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục
TT	Mục tiêu	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		
a. Chiều cao cân nặng		
1	Cân nặng + Trẻ trai: Cân nặng đạt 14,4 – 23,5 kg. + Trẻ gái: Cân nặng đạt 13,8 – 23,2 kg. Chiều cao + Trẻ trai: Chiều cao đạt 100,7 – 119,1 cm. + Trẻ gái: Chiều cao đạt 99,5 – 117,2 cm	

b Phát triển vận động

2	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài thể dục theo hiệu lệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào thở ra - Cơ tay và bả vai: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên kết hợp vẫy bàn tay, mở bàn tay + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, sau, trên đầu); - Lung, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi người phía trước, ngửa người ra sau; + Quay sang trái, sang phải; + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân + Ngồi xôm đứng lên, bật tại chỗ ; + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.
3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ sàn. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng. - Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.
4	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi/chạy đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đích đặc)	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích đặc (đổi hướng) theo vật chuẩn; - Chạy chậm 60 - 80m - Nhảy lò cò 3m
5	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với người đối diện: bắt được 3 lần liên không rơi bóng + Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m) + Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập và bắt bóng tại chỗ - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - Trèo lên, xuống 5 giống thang.
6	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. + Ném trúng đích ngang (xa 2m) + Bò trong đường đích đặc không	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 15 m trong khoảng 10 giây - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích ngang bằng 1 tay - Bò bằng bàn tay, bàn chân 3-4 m - Bò đích đặc qua 5 điểm

	chệch ra ngoài	- Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m - Trườn theo hướng thẳng
7	- Trẻ thực hiện được các cử động của bàn tay: + Cuộn - xoay tròn cổ tay + Gập, mở các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, ve, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, bàn tay, gấn nổi... - Gập giấy
8	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người, nhà, cây + Cắt thành thạo theo đường thẳng + Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối + Biết tết sợi đôi + Tự cài, cởi cúc áo, buộc dây giày	- Tô, vẽ hình - Xé, cắt đường thẳng - Lắp ghép hình - tết sợi đôi - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
c. Dinh dưỡng và sức khỏe		
9	- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) - Nhận biết các dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
10	- Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản	
11	- Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng	+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật: Ìa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì..
12	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng + Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng - Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn
13	- Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã	- Trẻ có thói quen mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ, không uống nước lã. - Tập ăn nhiều rau, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
15	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.

	+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định + Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, phân biệt theo quy định nhà vệ sinh nam, nữ
16	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	
17	- Trẻ nhận ra những nơi: ao hồ, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm không được chơi gần;	
18	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. + Không ăn thức ăn ôi thiu, không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
19	- Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Yêu cầu trợ giúp khi gặp nguy hiểm: tìm nguồn trợ giúp từ cộng đồng khi rơi vào tình huống nguy hiểm.
2, Lĩnh vực phát triển nhận thức		
* Khám phá khoa học		
20	- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: “ Vì sao cây lại héo?”. “ Vì sao lá cây bị ướt?”	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ chơi, đồ dùng; - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.
21	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- So sánh sự giống và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả - Đặc điểm, công dụng của một số PTGT - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con

22	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	người. Nhận biết biểu hiện biến đổi khí hậu nắng nóng kéo dài; Rét đậm, rét hại ảnh hưởng đến con người và sự vật, một số thiên tai xảy ra ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét.
23	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Các nguồn nước trong môi trường sống - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.
24	- Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Một số mối quan hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Nguyên nhân và tác hại của một số thiên tai xảy ra ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét.
25	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước - Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối
26	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nước, cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Cách ứng phó đơn giản với một số hiện tượng BDKH ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét.
27	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu ; - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu ; - Phân loại PTGT theo 1-2 dấu hiệu.
28	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Chơi các trò chơi - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.
* Khám phá xã hội		
29	- Trẻ nói được họ và tên, tuổi giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.

30	- Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Tìm hiểu họ tên, công việc của bố mẹ những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình
31	- Trẻ biết nói địa chỉ của gia đình mình (đội bản, xã) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình (Đội bản, xã, huyện, tỉnh).
32	- Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp bé đang học.
33	- Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường mầm non.
34	- Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.
35	- Trẻ biết kể tên công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: Nghề nông, nghề dệt, nghề đan lát. - Mọi nghề thì người làm nghề đều bình đẳng như nhau không xem trọng nam hay nữ.
36	- Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội và lễ hội địa phương: Lễ hội hoa ban, lễ hội thành bản phủ - Đền Hoàng Công Chất.	- Tìm hiểu đặc điểm nổi bật, ý nghĩa của một số ngày lễ hội: Ngày hội đèn trường, Tết trung thu, ngày tết thiếu nhi, lễ hội hoa ban, lễ hội thành bản phủ - Đền Hoàng Công Chất...
37	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp di tích lịch sử của Điện Biên, Xã Noong Hẹt.	- Tìm hiểu đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước, một số di tích lịch sử ở Điện Biên: hầm Đờ Cát, hầm Đại tướng, đồi A1.... Xã Noong Hẹt: Đền Hoàng Công Chất
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
38	- Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi; "bao nhiêu?". "Là số mấy?"	- Luyện đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số đội bản, biển số xe).
39	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	
40	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	
41	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	

42	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi - So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói kết quả bằng các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau ;
43	- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả;
44	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách được một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm nhỏ hơn bằng các cách khác nhau.
45	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
46	- Trẻ được sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
47	- Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật..)	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
48	- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
49	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước-phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải-phía trái).
50	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
3, Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
51	- Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	- Hiểu và làm theo 2, 3 yêu cầu liên tiếp;
52	- Trẻ hiểu được một số từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...có thể hiểu khi sử dụng tiếng anh.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.. - Trẻ hiểu 1 số từ mới liên quan đến: nghề nghiệp, thực vật (hoa quả, các loài hoa, rau củ, các loài động vật (gia súc, gia cầm, động vật biển, ...)); tên một số PTGT bằng tiếng anh.
53	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe, hiểu nội dung các câu chuyện kể, truyện đọc phù hợp với tuổi; - Nghe các bài thơ, bài hát, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi; - Nghe, hiểu nội dung của các câu đơn, câu mở rộng, câu phức;
54	- Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật,	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.

	hoạt động, đặc điểm.	' - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai ?, cái gì ?, ở đâu ?, khi nào?, Để làm gì?,...
55	- Trẻ nói rõ để người nghe hiểu được	' - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
56	- Trẻ biết sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định.	' - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
57	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. - Trẻ biết chào hỏi bằng Tiếng Anh.	- Chào hỏi bằng Tiếng Anh với các câu đơn giản trong giao tiếp.
58	- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết
59	- Trẻ đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
60	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe
61	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch
62	- Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp.
63	- Trẻ mô tả được hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
64	- Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau;
65	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều, giờ từng trang để xem tranh ảnh, đọc sách theo minh họa.	- Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách - "Đọc" truyện qua tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách; - Làm quen với cách đọc tiếng việt: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu.
66	- Trẻ nhận ra được một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm và một số biển báo giao thông khu vực công trường...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...).
67	- Trẻ biết sử dụng một số kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Làm quen cách viết tiếng việt: Hướng viết các nét chữ
4, Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		
68	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	' - Tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.
69	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.

70	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	
71	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Tự lấy đồ chơi, chọn trò chơi theo ý thích. - Mọi trẻ đều bình đẳng khi lựa chọn đồ chơi, góc chơi và nhóm chơi.
72	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh.	`- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt cử chỉ giọng nói, tranh ảnh. `- Yêu mến, quan tâm những người thân trong gia đình
73	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	`- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ giọng nói; trò chơi; hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình..
74	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Tìm hiểu về Bác Hồ, lăng Bác Hồ qua tranh ảnh, Video.
75	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua các bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Hát và vận động các bài hát về Bác Hồ - Đọc các bài thơ, kể chuyện về Bác Hồ.
76	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương Điện Biên, xã Noong Hẹt.	- Nhận biết, quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước các di tích lịch sử ở Điện Biên, xã Noong Hẹt.
77	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Đẻ đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Thực hiện đúng quy định về chỗ ngủ riêng theo giới tính
78	- Trẻ biết nói cảm ơn xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói văn minh lịch sự, cử chỉ lễ phép, có hành vi ứng xử tốt với cô, với bạn.
79	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	
80	`- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	`- Chờ đến lượt, hợp tác. `- Quan tâm, giúp đỡ bạn
81	`- Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung.	- Mọi trẻ đều có thể thực hiện cùng nhau với các hoạt động chung không phân biệt nam, nữ
82	`- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối
83	`- Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	`- Tiết kiệm điện nước
84	`- Không bẻ cành bứt hoa,	`- Phân biệt hành vi đúng - sai, tốt - xấu
85	`- Biết bỏ rác đúng nơi quy định	`- Giữ gìn vệ sinh môi trường

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

86	- Trẻ vui sướng vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
87	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	
88	- Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát bản nhạc; Thích nghe đọc thơ, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)
89	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
90	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc(Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
91	- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
92	- Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, phách, tiết tấu. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu của bài hát.
93	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu, vỏ hộp, đồ chơi để xếp, ghép hình tạo ra sản phẩm theo ý thích.
94	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét..
95	- Trẻ biết xé, cắt đường thẳng, đường cong,... và dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục.	
96	- Trẻ biết làm lổm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn sản phẩm có nhiều chi tiết.	
97	- Trẻ biết phối kết hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	
98	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	
99	- Trẻ nói lên được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	
100	- Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình	
		- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét. - Nói lên được ý tưởng tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm của mình

* Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện chủ đề

Thời gian (Tháng, từ ngày...đến ngày)	STT	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NIẢNH	SỐ TUẦN	Lễ/hội
Tháng 9 (4 tuần Từ ngày 6/9 đến 1/10/2021)	1	Trường mầm non thân yêu- tết trung thu	- Trường mầm non của bé - Lớp học của bé - Tết trung thu	1 tuần 1 tuần 1 tuần	Ngày hội để trường 5/9 Tết trung th
Từ ngày 4/10 đến ngày 22/10/2021"	2	Bé giới thiệu về mình	- Bé giới thiệu về mình - Cơ thể bé và các bạn - Cảm xúc của bé - Nhu cầu của bé	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	
Tháng 11 (4 tuần Từ ngày 25/10 đến ngày 19/11/ 2021)	3	Gia đình	- Ngôi nhà bé yêu - Đồ dùng gia đình bé. - Nhu cầu gia đình - Ngày nhà giáo Việt Nam	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Ngày nhà giáo Việt Nam <i>gửi phiếu</i>
Tháng 12 (4 tuần Từ ngày 22/11 đến ngày 17/12 2021)	4	Bé thích làm nghề gì	- Nghề sản xuất - Nghề xây dựng - Nghề truyền thống địa phương - Nghề giúp đỡ cộng đồng	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	<i>Vẽ cho p1 từ ngày 8/11 đến ngày 26/</i>
Tháng 12- 1/2021 (4 tuần từ ngày 20/12 đến ngày 14/1/2022	5	Những con vật bé yêu	- Động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống trong rừng - Động vật sống dưới nước, - Các loại chim	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	
Tháng 1- 2 (5 tuần từ ngày 17/1 đến ngày 25/2/2022	6	Thế giới thực vật	- Tết nguyên đán và mùa xuân - Một số loại cây - Một số loại hoa - Một số loại quả - Một số loại rau.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Tết nguyên đán <i>Lưu chọn c nội các h cả h CT 1/1</i>
Tháng 2-3 (3 tuần từ ngày 28/2 đến ngày 25/3/2022	7	PT và quy định giao thông - Ngày 8/3 - Lễ hội thành Bản phủ- Đền Hoàng Công Chất	- Một số PTGT - Ngày 8/3 - Một số quy định GT - Lễ hội thành Bản phủ- Đền Hoàng Công Chất	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Lễ hội thành Bản phủ- Đền Hoàng Công Chất <i>gửi phiếu cho p1 từ ngày 28/2 đến 1/4/22</i>

Tháng 3- 4 (4 tuần từ ngày 28/3 đến ngày 15/4/2022)	8	Các hiện tượng thiên nhiên	- Một số hiện tượng tự nhiên - Nước cần gì cho bé - Mùa hè	1 tuần 1 tuần 1 tuần	Lưu chọn các nội dung ưu tiên ở Huế CTGD M H
Tháng 4-5 (4 tuần đến ngày 18/4 đến ngày 20/5/2022	9	Quê hương Đất nước Bác Hồ - Trường tiểu học - Tết thiếu nhi	- Đất nước Việt Nam - Quê hương Điện Biên - Bác Hồ - Tết thiếu nhi	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Sinh nhật Bác
Tổng cộng				35 tuần	

4.3. Mẫu giáo lớn

* Mục tiêu, nội dung

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục
TT	Mục tiêu	
1. Lĩnh vực thể chất		
a) Chiều cao cân nặng		
1	Cân nặng Trẻ trai: 15,9 – 27,1kg Trẻ gái: 15,4 – 27,8kg Chiều cao: Trẻ trai: 106,1 – 125,8cm Trẻ gái: 104,9 – 125,4cm	
b) Phát triển vận động		
2	- Trẻ biết thực hiện đúng thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: hô hấp; tay; lưng, bụng, lườn; chân: tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
3	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m	+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), + Đi trên ván kê dốc, + Đi nổi bàn chân tiến, lùi.

4	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục	+ Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát
5	Trẻ biết kiểm soát vận động đi, chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh(đổi hướng ít nhất 3 lần)	- Đi, chạy thay đổi tốc độ hướng đích khác theo hiệu lệnh
6	Trẻ biết phối hợp tay và mắt trong vận động: bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m)	+ Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ + Ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m) - Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân
7	Trẻ biết phối hợp tay và mắt, thể hiện nhanh, mạnh khéo trong bài tập tổng hợp: ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m).	+ Ném xa bằng 1 tay , 2 tay . + Ném trúng đích bằng 1 tay , 2 tay .
8	Trẻ thực hiện phối hợp tay và mắt trong vận động: đi, đập và bắt được bóng này 4 – 5 lần liên tiếp	+ Đi và đập bắt bóng.
9	Trẻ có khả năng thực hiện nhanh, mạnh khéo trong bài tập tổng hợp: chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.	+ Chạy 18m trong khoảng 10 giây.
10	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh khéo trong bài tập tổng hợp: Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích khác, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	- Bò bằng bàn tay, bàn chân 4m- 5m1 - Bò đích khác qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0 - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm
11	Trẻ thực hiện được vận động uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. Trẻ biết gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn.
12	Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.	- Tô đồ theo nét
13	Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong cắt được theo đường viền của hình vẽ.	- Xé, cắt đường vòng cung.
14	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.	- Lắp ráp
15	Trẻ thực hiện phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.	- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu
16	Trẻ thực hiện phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa(phéc mơ tuya).	- Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.
17	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	- Thực hiện đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.

18	- Trẻ biết bật xa tối thiểu 50cm	- Bật liên tục vào vòng 2 - Bật xa 40 - 50cm
19	- Trẻ biết nhảy xuống từ độ cao 40 cm	- Bật qua vật cản 15-20cm - Bật - nhảy từ trên cao xuống 40- 45 cm - Bật tách chân – khớp chân qua 7 ô
20	- Trẻ biết trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất	Trèo lên xuống 7 giống thang
21	- Trẻ biết nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu;	- Nhảy lò cò 5 m
22	- Trẻ biết chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	- Chạy chậm khoảng 100 - 120 m
23	- Trẻ có thể tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút	- Tập trung chú ý - Tham gia hoạt động tích cực - Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp ngủ, gật...
c) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
24	Trẻ có khả năng lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
25	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến
26	Trẻ thực hiện được một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất, đủ lượng - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
27	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe.	
28	Trẻ có khả năng tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự lau mặt, đánh răng.	- Tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. - Đánh răng, lau mặt,
29	Trẻ có khả năng tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
30	Trẻ thực hiện được đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
31	Trẻ sử dụng được đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.

32	<p>Trẻ thực hiện được một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhỏ bậy ra lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh
33	<p>Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
34	<p>Trẻ có khả năng nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc... - Biết không tự ý uống thuốc - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. 	
35	<p>Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng.
36	<p>Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
37	<p>Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. - Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
38	<p>Trẻ nói được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ
39	<p>Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (không tự ý đi chơi, đi bên phải lề đường. Không leo trèo cây, ban công, tường rào). - Thực hiện một số quy định khi tham gia giao thông: Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe

	- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	máy...
40	- Trẻ biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	- Kể được một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc người khói thuốc lá - Thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá bằng lời nói hoặc hành động.
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức		
a) Khám phá khoa học		
41	Trẻ thực hiện được sự tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.
42	Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi
43	Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển	- Đặc điểm, công dụng của một số PTGT - Các nguồn nước trong môi trường sống - Một số đặc điểm, tính chất của nước - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Tên gọi các loại thiên tai, đặc điểm của thiên tai: Mưa lũ, giông sét, mưa đá, động đất.
44	Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	
45	Trẻ có thể nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng
46	Trẻ thực hiện được phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu, phân loại PTGT theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu
47	Trẻ nêu được, nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng: Bốc hơi của nước, mưa lũ, sạt lở, giông sét, mưa đá, động đất...	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Ích lợi của nước đối với con người, con vật và cây. - Một số hiện tượng: Bốc hơi của nước, mưa lũ, sạt lở, giông sét, mưa đá, động đất
48	Trẻ có khả năng giải quyết vấn đề đơn	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.

	giàn bằng các cách khác nhau.	- Biết cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai và hiểu tại sao cần làm như vậy. - Thích ứng và hành động bảo vệ để hạn chế mưa lũ, sạt lở đất...
49	Trẻ có khả năng thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề, hoạt động sáng tạo bằng các nguyên vật liệu khác nhau.
50	Trẻ có thể nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống;	- Một số hiện tượng thời tiết, thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa
51	Trẻ có thể giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày;	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Hiểu được ý nghĩa, giải thích được nguyên nhân, hậu quả các dấu hiệu, biểu hiện cơ bản sự bốc hơi của nước, mưa lũ, sạt lở, giông sét, mưa đá, động đất.
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
52	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
53	Trẻ thực hiện được đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	
54	Trẻ có khả năng so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
55	Trẻ thực hiện được gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. Trẻ thực hiện được tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau	- Gộp / tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm
56	Trẻ có khả năng nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10
57	Trẻ có khả năng nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (biển số xe,...).
58	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
59	Trẻ có khả năng nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. Trẻ có khả năng sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Tạo ra qui tắc sắp xếp.
60	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết

61	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	<p>quả đo.</p> <p>Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau
62	Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
63	Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.
c) Khám phá xã hội		
64	Trẻ nói được đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. Biết cách chăm sóc bản thân, có kỹ năng ứng xử với người lạ.	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Cách giao tiếp/ứng xử với người lạ: <ul style="list-style-type: none"> + Ứng xử khi người lạ cho quà + Ứng xử khi ở nhà một mình + Ứng xử khi gặp người lạ (Ở trường, nhà, trên đường...) + Yêu cầu trợ giúp khi gặp nguy hiểm: tìm nguồn trợ giúp từ cộng đồng khi rơi vào tình huống nguy hiểm.
65	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình.
66	Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ gia đình.
67	Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non;
68	Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Công việc của các cô bác trong trường.
69	Trẻ nói được họ tên, đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
70	Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói "Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ..."	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương
71	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội, lễ hội hoa ban, lễ hội Thành bản Phủ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. - Lễ hội thành Bản Phủ- Đền Hoàng Công Chất.
72	Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam,

	trung của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	thắng cảnh. - Đặc điểm nổi bật của di tích thành Bản Phố.
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
73	Trẻ có khả năng thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái".	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
74	Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Trẻ hiểu 1 số từ mới liên quan đến: nghề nghiệp, thực vật (hoa quả, các loài hoa, rau củ hạt, ...); tết và mùa xuân; các loài động vật (gia súc, gia cầm, động vật biển, ...); giao thông (các loại phương tiện đường sông, đường biển, đèn báo hiệu, ...); nước và các hiện tượng thiên nhiên, quê hương đất nước bằng tiếng việt, tiếng anh.
75	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
76	Trẻ có khả năng kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại sự việc theo trình tự - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu - Trẻ có thể tự tin giới thiệu bản thân và các thành viên trong gia đình bằng tiếng việt, tiếng anh.
77	Trẻ có khả năng miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.
78	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?
79	Trẻ có khả năng dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,..	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
80	Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
81	Trẻ có khả năng kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự
82	Trẻ thực hiện được đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch.
83	Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp - Chào hỏi bằng Tiếng Anh các câu đơn giản.
84	Trẻ có khả năng điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	
85	Trẻ biết chọn sách để "đọc" và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn, bảo vệ sách.

86	Trẻ có khả năng kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.
87	Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách - Đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
88	Trẻ có khả năng nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
89	Trẻ thực hiện được việc nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái.
90	Trẻ có khả năng tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô đồ các nét chữ - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Hướng viết của các nét chữ;
91	Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;	- Trao đổi bằng lời nói để thống nhất các đề xuất trong cuộc chơi với các bạn - Hướng dẫn bạn đang cố gắng giải quyết một vấn đề nào đó - Hợp tác trong quá trình hoạt động, các ý kiến không áp đặt hoặc dùng vũ lực bắt bạn phải thực hiện theo ý của mình
92	Trẻ có thể kể biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau - Cuộc trò chuyện được duy trì và phát triển
93	Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác;	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói chen vào khi người khác đang nói. - Tôn trọng người nói bằng việc lắng nghe hoặc đặt các câu hỏi, nói ý kiến của mình khi họ đã nói xong
94	Trẻ không nói tục, chửi bậy.	- Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào
95	Trẻ có khả năng biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;	- Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thể hiện điều muốn truyền đạt.
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		
96	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến
97	Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.
98	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.

99	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Quan tâm giúp đỡ những người gần gũi (ông bà, bố mẹ, anh chị em trong gia đình; cô giáo, bạn bè ở lớp học)
100	Trẻ tự làm được một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
101	Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
102	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc
103	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
104	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác
105	Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Nhận biết được hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) - Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi, ngày 19/5 là ngày sinh nhật của Bác
106	Trẻ thể hiện được tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện được tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
107	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
108	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
109	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác - Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
110	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoải thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	
111	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
112	Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	

113	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
114	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
115	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu
116	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước.
117	Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Trấn tĩnh lại, hạn chế cảm xúc và những hành vi tiêu cực(như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi). Khi được người khác giải thích, an ủi chia sẻ. - Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực(khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè, người thân
118	Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn	- Chủ động giúp đỡ khi nhìn thấy bạn hoặc người khác cần sự trợ giúp - Sẵn sàng nhiệt tình giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu
119	Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;	- Mô tả được ảnh hưởng, hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác. - Giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây phản ứng như thế nào
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
120	Trẻ có khả năng tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
121	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục....) của các tác phẩm tạo hình.	
122	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) hát bài hát, bản nhạc: thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
123	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
124	Trẻ thực hiện vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
125	Trẻ có khả năng phối hợp và lựa chọn	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo

	các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
126	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
127	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	
128	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	
129	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	
130	Trẻ có khả năng nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	
131	Trẻ có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
132	Trẻ thực hiện được gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
133	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
134	Trẻ có khả năng đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

* Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện chủ đề

Thời gian (Tháng, từ ngày...đến ngày)	STT	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỐ TUẦN	Lễ/hội
Tháng 9 3 tuần (Từ ngày 6/9 đến 24/9/2021)	1	Trường mầm non – tết trung thu (3 tuần)	- Trường mầm non của bé - Lớp học của bé - Tết trung thu	1 tuần 1 tuần 1 tuần	Ngày hội đến trường 5/9 Tết trung thu
Tháng 10 4 tuần (Từ ngày 27/9 đến 22/10 /2021)	2	Bé giới thiệu về mình (4 tuần)	- Bé giới thiệu về mình - Cơ thể diệu kỳ của bé - Cảm xúc của bé - Nhu cầu của bé	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	
Tháng 11 4 tuần (Từ ngày 25/10 đến ngày 19/11/ 2021)	3	Gia đình - (4 tuần)	- Ngôi nhà bé yêu - Đồ dùng gia đình bé. - Nhu cầu gia đình - Ngày nhà giáo Việt Nam	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Ngày gửi phiếu về Cho PH Nhà giáo Việt Nam

từ 8/11
đến 26/11

Tháng 12 4 tuần (Từ ngày 22/11 đến ngày 17/12 2021)	4	Bé thích làm nghề gì (4 tuần)	- Nghề sản xuất - Nghề xây dựng - Nghề truyền thống địa phương (thỏ cẩm, đan nát) - Nghề giúp đỡ cộng động (công an, bộ đội, bác sỹ)	1 tuần 1 tuần 1 tuần	
Tháng 12- 1/2022 (4 tuần từ ngày 20/12 đến ngày 14/1/2022	5	Những con vật bé yêu (4 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống trong rừng - Động vật sống dưới nước. - Côn trùng	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	
Tháng 1- 2 (5 tuần từ ngày 17/1 đến ngày 25/2/2022	6	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân (5 tuần)	- Tết nguyên đán và mùa xuân - Một số loại cây - Một số loại hoa - Một số loại quả - Một số loại rau.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Lưu chọn Tết các nđ nguyên đán liên CT
Tháng 3 4 tuần từ ngày 28/2 đến ngày 25/3/2022	7	PT và quy định giao thông - Ngày 8/3 (4 tuần)	- Một số PTGT - Ngày 8/3 - Một số quy định GT - Lễ hội thành Bản phủ- Đền Hoàng Công Chất	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Lễ hội thành Bản phủ- Đền HCC giữ phôi Vết cho pH m 28/2 chợ 25/3
Tháng 3- 4 (3 tuần từ ngày 28/3 đến ngày 15/4/2022)	8	Các hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	- Một số hiện tượng tự nhiên - Nước cần gì cho bé - Mùa hè	1 tuần 1 tuần 1 tuần	Lưu chọn các nội dung liên CT liên CTGDMM
Tháng 4-5 (4 tuần đến ngày 18/4 đến ngày 20/5.2022	9	Quê hương Đất nước Bác Hồ - Trường tiểu học - Tết thiếu nhi	- Đất nước Việt Nam - Quê hương Điện Biên - Bác Hồ - Trường tiểu học- Tết thiếu nhi	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Sinh nhật Bác

5. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

5.1. Các hoạt động giáo dục

5.1.1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.

- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

5.1.2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

5.1.3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: Lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

5.1.4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

5.2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

5.2.1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỉ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết trung thu, ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8/3), tết Thiếu nhi 1/6,...)

5.2.2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

5.2.3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

5.3. Phương pháp giáo dục

5.3.1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: Sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

5.3.2. Nhóm phương pháp trực quan – minh họa

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

5.3.3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (dàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gắn với kinh nghiệm sống của trẻ.

5.3.4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ.

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5.3.5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm – sinh lý của trẻ.

6. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình GDMN, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

6.1. Đánh giá trẻ hằng ngày

6.1.1. Mục đích đánh giá: Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

6.1.2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ
- Trạng thái cảm xúc, thái độ hành vi của trẻ
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

6.1.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá:

- Quan sát
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ
- Trao đổi với cha mẹ/ người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

6.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

6.2.1. Mục đích đánh giá: Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/ tháng, cuối mỗi độ tuổi), trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

6.2.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và KNXH, thẩm mỹ.

6.2.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá:

- Quan sát
 - Trò chuyện với trẻ
 - Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
 - Sử dụng tình huống hoặc bài tập/ trắc nghiệm.
 - Trao đổi với cha mẹ/ người chăm sóc trẻ.
- Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

6.2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/ tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

C. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Căn cứ Chương trình nhà trường đã xây dựng giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm/lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

Nội dung lựa chọn phù hợp mục tiêu theo chủ đề, lựa chọn các hoạt động phù hợp với trẻ và điều kiện của nhà trường, chú trọng các hoạt động chủ đạo của độ tuổi.

Theo dõi, đánh giá thường xuyên sự phát triển của trẻ, điều chỉnh kế hoạch để trẻ đạt được mục tiêu đề ra.
Phát hiện và tạo điều kiện bồi dưỡng cho trẻ năng khiếu
Phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và cộng đồng chăm sóc giáo dục tốt nhất.

T.M. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

P. Hiệu trưởng



Cã Thị Thanh Huyền



HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Hoa